

Số: /QĐ-SNNMT

Quảng Trị, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2026 từ nguồn các chương trình, chính sách nông nghiệp các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH115 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-SNNMT ngày 04/06/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2026 cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2026 từ nguồn các chương trình, chính sách nông nghiệp cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường (đợt 1)

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch -Tổng hợp, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và các tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TTCNTT- TT NN và MT (để đăng tải);
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Tuấn

5	Điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững tại BQL rừng phòng hộ Hướng hóa-Đakrông	200												200	
II	Hỗ trợ liên kết sản xuất theo chuỗi; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp; sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, tiêu chuẩn VietGap; thực hiện chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); xúc tiến thương mại	4.402		1.500				2.902							
1	Ứng dụng công nghệ cao mô hình nuôi ốc hương thương phẩm	300						300							
2	Ứng dụng công nghệ cao chăn nuôi chim cút sinh sản	200						200							
3	Mô hình ứng dụng chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ sau thu hoạch để sản xuất lúa vụ Hè thu 2026	350						350							
4	Hỗ trợ mô hình chăn nuôi lợn sinh sản theo hướng hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	500						500							
5	Mô hình Thâm canh giống sản kháng bệnh khảm lá HN1; Mô hình trình diễn giống lúa chất lượng cao TH998 gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm vụ Đông Xuân năm 2025-2026	416						416							

2	Mô hình Trồng xương rồng Cereus (xương rồng trụ) gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm Rồng trụ)	334							334					
3	Mô hình nuôi vịt trời an toàn sinh học	250							250					
4	Mô hình nuôi cây vôi hương sinh sản theo hướng an toàn sinh học	400							400					
5	Mô hình nuôi tôm càng xanh vượt lũ tại vùng rìa Phá Hạc Hải	280							280					
6	Mô hình nuôi tôm càng xanh 2 giai đoạn gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	170							170					
7	Mô hình nuôi cá ngạnh thương phẩm	300							300					
8	Tuyên truyền, tập huấn, thực hiện nhiệm vụ PCCCR, nâng cao năng lực phục vụ công tác QLBR, PCCCR	1.448	760							100	100		250	238
9	Xử lý thực bì và vật liệu phòng cháy chữa cháy rừng	800										300	500	
10	Tuyên truyền công tác quản lý BVR; tập huấn cơ bản, nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm trong theo dõi, giám sát tài nguyên rừng	390										390		
11	Tập huấn các quy định của Luật Thủy sản, Luật sửa đổi Luật thủy sản 2017 về khai thác, nuôi trồng thủy sản	200						200						

12	Kiểm tra, tuyên truyền phổ biến pháp luật, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm	190					190							
13	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về quản lý, khai thác công trình thủy lợi	400			400									
14	Tập huấn, tuyên truyền pháp luật về chăn nuôi và hướng dẫn kê khai hoạt động chăn nuôi trên CSDLQG	140				140								
15	Thực hiện chuyên mục Nông nghiệp sạch cho cộng đồng	60	60											
16	Thông tin tuyên truyền lĩnh vực nông nghiệp và PTNT	1.000					1.000							
17	Đào tạo, tập huấn, học tập kinh nghiệm lĩnh vực nông nghiệp	1.132					1.132							
18	Kiểm tra việc thực hiện Quyết định số 14/2026/QĐ-UBND ngày 26/01/2026 của UBND tỉnh về quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm tại địa phương; Hậu kiểm an toàn thực phẩm; Kiểm soát dư lượng hóa chất độc hại trong sản phẩm thủy sản nuôi	338	338											
19	Kiểm tra hoạt động chuyên ngành và công tác đảm bảo ATTP trong chăn nuôi và thú y	129				129								

20	Hoạt động thả giống thủy sản tái tạo nguồn lợi	480					480								
21	Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	336					336								
22	Phòng chống dịch bệnh thủy sản	100					100								
23	Kinh phí kiểm tra, chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh động vật	243					243								
	Cộng	19.243	760	1.898	570	700	948	1.870	9.069	100	100	690	750	770	1.018

(Bằng chữ: Mười chín tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu đồng./.)